

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Truyền.

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **LTD**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Nhà số B7/5, ấp Trường Cửu, xã Trường Hòa, thị xã HT, tỉnh TN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh **TPT**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số nhà 22, tổ 14, khu phố Long Đại, phường Long Thành Bắc, thị xã HT, tỉnh TN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị LTD trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh TPT chung sống từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chủ yếu là anh Th. không lo làm ăn, cờ bạc, rượu chè và không quan tâm, chăm sóc gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Th. vẫn không thay đổi. Vụ việc tiếp diễn trong thời gian dài, cuộc sống vợ

chồng xảy ra xung đột thường xuyên, khoảng cách tình cảm không thể hàn gắn được nữa và anh chị đã sống ly thân hơn 06 tháng nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Th..

Về con chung: Chị D. trình bày không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D. không yêu cầu giải quyết.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh TPT trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị D. về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra, do vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, anh chị đã sống ly thân gần 06 tháng nay. Nay chị D. yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý do không còn tình cảm.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th. không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HTtham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật (có đơn xin xét xử vắng mặt) nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị LTD, anh TPT tự nguyện chung sống vợ chồng năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không hợp pháp, không được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị D., anh Th. đều thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, do chị D., anh Th. chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị LTD và anh TPT. Về con chung không có. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị D. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị D. và bị đơn anh Th. vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị D. và anh Th. theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét về quan hệ hôn nhân của chị LTD và anh TPT thấy rằng: Chị D. và anh Th. chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị D. và anh Th. trình bày là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người một táng ý và đều có cuộc sống riêng, anh chị đã sống ly thân gần 06 tháng nay. Chị D. yêu cầu ly hôn với anh Th. và anh Th. đồng ý. Xét việc chị D. và anh Th. chung sống không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nên tuyên bố không công nhận chị D. và anh Th. là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị D., anh Th. trình bày không có.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D., anh Th. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị D. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT là hợp lý cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận chị LTD và anh TPT là vợ chồng.
2. Về con chung: Chị LTD và anh TPT khai nhận không có.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D., anh Th. khai nhận không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí:

Chị LTD phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D. đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0020679 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN.

Chị D., anh Th. vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- CC.THADS thị xã HT;
- UBND xã Trường Hòa;
- UBND p. Long Thành Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân